

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý 07/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Anh T, sinh năm: 1977 và bà Đặng Thị L1, sinh năm: 1947 (đã chết vào tháng 9/2021 có hàng thừa kế thứ nhất: anh Lê Anh T, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Luy S), địa chỉ: Tổ X, Tổ dân phố Y, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm: 1980, địa chỉ: Tổ A, Tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn C, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2. Chị Lê Thị Luy S, sinh năm: 1982. Địa chỉ: (Bệnh nhân) Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo chỉ định của Tòa án: bà Lê Thị N.

3. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1969 và ông Hoàng Trung T, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Cụm L, Tổ dân phố M, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

4. Anh Lê M, sinh năm: 2006 (người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973, là mẹ của Lê M). Địa chỉ: Xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

5. Anh Lê D, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận tài sản chung của ông L, bà L1:

Đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Phường N thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; diện tích 415,7m². Hình thức sử dụng: riêng 415,7 m². Đất ở đô thị: 110 m²; đất trồng cây lâu năm: 305,7m². Thời hạn sử dụng: Đất ở

tại đô thị; lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến tháng 9/2051 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD 235704, số vào sổ cấp GCN: CH00956.

2.2. Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Một phần đất ông Hoàng Trung T và bà Trần Thị Thu H đang sử dụng nhưng vẫn thuộc diện tích của thửa đất số 35, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được ghi nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD 235704, số vào sổ cấp GCN: CH00956, các bên đương sự thừa nhận phần đất này đã được ông L, bà L1 chuyển nhượng bằng giấy viết tay ngày 21/5/1995, đã giao tiền và nhận đất sử dụng ổn định từ đó đến nay không ai có ý kiến gì nhưng ông T, bà H chưa thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai theo đúng quy định.

Nay các bên đề nghị ghi nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng phần đất có tiếp giáp với đường B được bao quanh bởi hàng rào B40, trên đất có 01 cái giếng và hệ thống ngầm của công trình vệ sinh với diện tích $28m^2$ (cạnh Đông Nam KT: 9,81m; cạnh Tây Nam tiếp giáp với đường B KT: 3,04m; cạnh hướng Đông Bắc KT: 2,67m; cạnh còn lại tiếp giáp với phần đất của ông T, bà H).

Ông T, bà H đồng ý hỗ trợ thêm 30.000.000 đồng cho anh T, chị Luy S (chị N giám hộ) và ông bà có quyền liên hệ với cơ quan chuyên môn để xác định quyền sử dụng, đăng ký đất đai theo đúng quy định.

2.3. Di sản thừa kế còn lại của ông L, bà L1:

Đất và tài sản trên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; diện tích còn lại $415,7m^2 - 28m^2 = 387,7m^2$ (Trong đó: hình thức sử dụng: riêng $387,7m^2$; Đất ở đô thị: $110m^2$; Đất trồng cây lâu năm: $277,7m^2$; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị; Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến tháng 9/2051 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD 235704, số vào sổ cấp GCN: CH00956). Giá trị bằng tiền: 1.017.943.800đ (một tỷ, không trăm mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

Phần di sản của ông L là $\frac{1}{2}$ và bà L1 là $\frac{1}{2}$ trong tổng số di sản trên.

2.4. Các bên đương sự công nhận di chúc của ông L, bà L1 có giá trị hiệu lực theo quy định của pháp luật:

(1). Phần di sản của bà L1 đã được định đoạt theo bản di chúc ngày 03/7/2021 có công chứng nên các bên không tranh chấp.

(2). Phần di sản của ông L đã được định đoạt theo bản di chúc ngày 06/4/2020 được viết tay bởi con gái Lê Thị N, có 02 người làm chứng.

2.5. Nội dung thỏa thuận về di sản:

Di sản thừa kế của ông L, bà L1 để lại (sau khi trừ đi phần $28m^2$ đã ghi nhận thuộc quyền sử dụng của ông T, bà H) giao anh T được nhận toàn bộ di sản thừa kế còn lại bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 35, tờ bản đồ số 59 tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh T trả tiền chênh

lệch 300.000.000 đồng theo thỏa thuận cho chị Lê Thị Luy S (do người giám hộ là chị Lê Thị N thực hiện).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do các bên đương sự đã thỏa thuận nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

3.1. Anh Lê Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.224.000đ, anh T đã nộp tạm ứng 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001832 ngày 18 tháng 01 năm 2021 nên được khấu trừ, số tiền còn lại anh phải nộp tiếp.

3.2. Bà Đặng Thị L, Chị Lê Thị Luy S không phải chịu án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADSTP Đồng hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân